

Số: 4428/SYT- TCCB

Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 11 năm 2021

V/v hướng dẫn công tác kê khai,
công khai kiểm soát tài sản, thu
nhập năm 2021

Kính gửi:

- Các phòng chuyên môn Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Thực hiện Văn bản số 621/TT- NV3 ngày 11/11/2021 của Thanh tra tỉnh về việc hướng dẫn triển khai thực hiện công tác kê khai, công khai bản kê khai TSTN hàng năm, bổ sung năm 2021, Sở Y tế hướng dẫn triển khai công tác kê khai tài sản thu nhập (TSTN) đối với người có nghĩa vụ kê khai TSTN hàng năm, kê khai TSTN bổ sung của năm 2021 như sau:

1. Về đối tượng thực hiện kê khai TSTN hàng năm và kê khai TSTN bổ sung của năm 2021

- Kê khai TSTN hàng năm: Người có nghĩa vụ kê khai TSTN hàng năm thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3, Điều 36, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 10, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ; mẫu bản kê khai thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 9, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ;

- Kê khai TSTN bổ sung: Người có nghĩa vụ kê khai TSTN bổ sung thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 36, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; mẫu bản kê khai thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 9, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

2. Trình tự thực hiện

Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị phân công bộ phận chủ trì đầu mối để thực hiện việc kê khai, công khai TSTN hàng năm, bổ sung theo trình tự sau:

- Lập danh sách những người có nghĩa vụ kê khai TSTN hàng năm, bổ sung của đơn vị mình và đơn vị trực thuộc gửi về Sở Y tế trước ngày **25/11/2021**.

- Tổ chức kê khai TSTN theo quy định tại Điều 37, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

- Tiếp nhận, quản lý, bàn giao Bản kê khai TSTN được thực hiện theo quy định tại Điều 38, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

- Công khai Bản kê khai TSTN theo quy định tại Điều 39, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điểm b, Điểm c, Điểm d, Khoản 1 và Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Điều 11, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

Việc kê khai, công khai TSTN hàng năm, bổ sung được tổ chức thực hiện và hoàn thành trước ngày **31/12/2021**.

3. Báo cáo kết quả việc kê khai, công khai; nộp hồ sơ kê khai TSTN hàng năm, kê khai bổ sung cho cơ quan kiểm soát TSTN

3.1. Báo cáo kết quả việc kê khai, công khai Bản kê khai TSTN theo mẫu kèm theo Văn bản này; danh sách và các Bản kê khai TSTN của người có nghĩa vụ kê khai TSTN hàng năm, bổ sung do các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thực hiện được nộp về Sở Y tế để Sở Y tế nộp Thanh tra tỉnh theo quy định. Đối với Bản kê khai TSTN của đối tượng thuộc thẩm quyền kiểm soát TSTN của Thanh tra Chính phủ (Giám đốc sở) được đóng phong bì niêm phong và dán danh sách trên phong bì. Sở Y tế tiếp nhận đồng thời với các đối tượng thuộc thẩm quyền kiểm soát của Thanh tra tỉnh để lập báo cáo, tổng hợp danh sách cùng bản kê khai TSTN gửi Thanh tra tỉnh theo quy định.

3.2. Thành phần hồ sơ giao nhận:

(1) Báo cáo kết quả thực hiện kê khai, công khai TSTN hàng năm, kê khai bổ sung của các cơ quan, đơn vị.

(2) Danh sách người có nghĩa vụ kê khai TSTN hàng năm và bổ sung.

(3) Bản kê khai TSTN hàng năm, kê khai bổ sung của người có nghĩa vụ kê khai.

3.3. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ kê khai TSTN.

- Thời gian: Sở Y tế tiếp nhận hồ sơ kê khai TSTN bắt đầu kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 10/01/2022.

- Địa điểm: nộp tại Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

Đề nghị các đơn vị căn cứ các quy định pháp luật hiện hành và hướng dẫn này nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ Thanh tra Sở Y tế, Phòng Tổ chức cán bộ Sở Y tế để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Thanh tra tỉnh;
 - Công TTĐT Sở Y tế
 - Lưu VT, TCCB.
- Gửi VB Điện tử.

Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tuấn

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện công tác kê khai TSTN hàng năm và kê khai TSTN bổ sung năm 2021.

(Kèm theo Văn bản số 621/TT-NV3 ngày 11/11/2021 của Thanh tra tỉnh)

1. Việc chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện

- Công tác truyền thông, quán triệt các quy định về kê khai TSTN;
- Các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, triển khai thực hiện đã ban hành.

2. Kết quả thực hiện

- Kết quả kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập

TT	NỘI DUNG	ĐV	SỐ
A	Kê khai tài sản, thu nhập		
I	Kê khai tài sản thu nhập hàng năm		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
3	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập hàng năm	Người	
4	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập hàng năm	Người	
II	Kê khai tài sản thu nhập bổ sung		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
3	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung	Người	
4	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập bổ sung	Người	
B	Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
3	Số bản kê khai đã được công khai	Bản KK	

	tỷ lệ% so với tổng số bản kê khai	%	
4	Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm	Bản KK	
	tỷ lệ% so với số bản kê khai đã công khai	%	
5	Số bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp	Bản KK	
	tỷ lệ% so với số bản kê khai đã công khai	%	

Lưu ý: Các đơn vị, địa phương báo cáo số liệu thuộc thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập của Thanh tra tỉnh.

- Kết quả khác (nếu có).

3. Đánh giá chung và kiến nghị

- Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện; giải pháp đề chủ động hoặc đề xuất giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc.

- Những nội dung quy định cần hướng dẫn cụ thể hơn.

- Các kiến nghị khác./.